

1124Series — 1-1/2" LOẠI CÀNG KIỂU DF

Bánh xe PU(bánh phẳng màu đỏ) đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe là 125 × 40 mm.

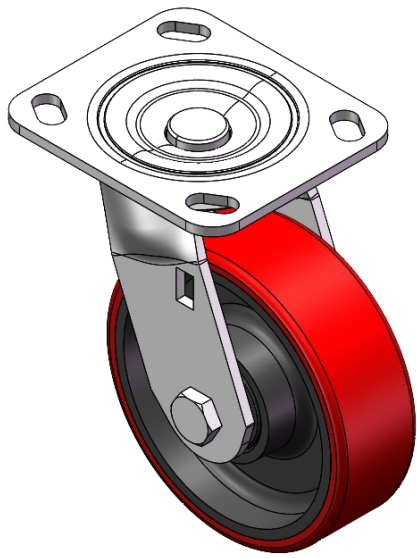
EAN

YJ-11240500332013

Bánh xe xoay, đế bánh xe được tán đinh và dập lỗ lắp chữ D.  
Hoàn thiện mạ kẽm, đế bánh xe (4.5T) với cơ cấu lắp đặt.  
Lõi gang, mặt bánh xe bằng polyurethane chất lượng cao.  
Hoàn thiện phay đồ, ổ trục bánh xe—ổ trục bi chính xác.

Mặt bánh xe: Được làm bằng polyurethane chất lượng cao  
Lõi bánh xe: lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

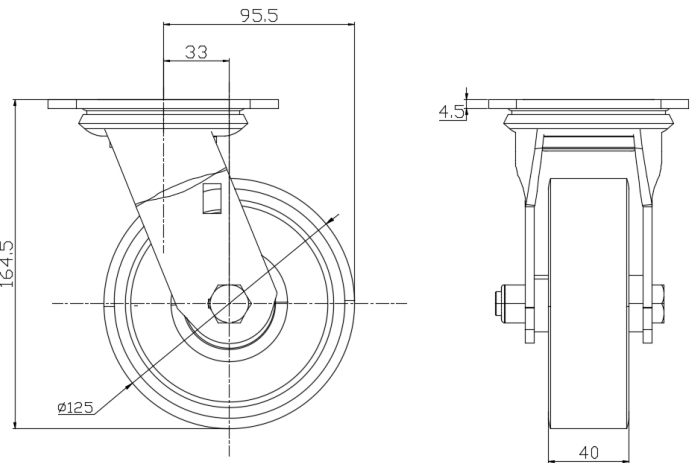
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                             |                               |
|---------------------------------------------|-------------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét | <input type="radio"/> đế quốc |
| Đường kính bánh xe                          | 125mm                         |
| Chiều rộng bánh xe                          | 40mm                          |
| vòng bi bánh xe                             | Bánh xe trang bị vòng bi bi   |
| Quy cách tấm lắp                            | 115 x 100mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền             | 85 x 70mm                     |
| Khoảng cách các lỗ lắp                      | 20 x 11mm                     |
| Độ lệch tâm                                 | 33mm                          |
| Sự can thiệp quay                           | 191mm                         |
| Tổng chiều cao                              | 164.5mm                       |
| Bán kính xoay                               | 95.5mm                        |
| Độ cứng                                     | 93±5° Shore A                 |
| Tải trọng (động)                            | 250kgs                        |
| Tải trọng (tĩnh)                            | 375kgs                        |
| Nhiệt độ                                    | -20°C to +70°C                |
| Càng bánh xe                                | Xoay                          |
| Thép không gỉ                               | N/A                           |
| Dẫn điện                                    | N/A                           |
| Chống tĩnh điện                             | N/A                           |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                     | 2.42kgs                       |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                      | ISO22883                      |

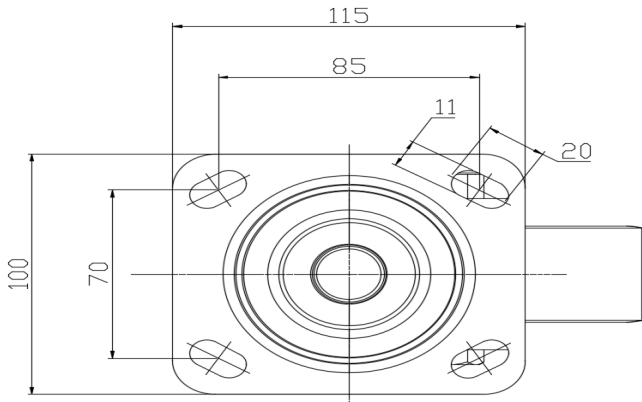
Tổng quan ưu điểm

|                      |                                                                                                                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ di chuyển mượt mà | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> <input type="radio"/>            |
| Chế độ im lặng       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |
| Bảo vệ mặt sàn       | <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input checked="" type="radio"/> <input type="radio"/> |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét